

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN TRÌNH ĐỘ KỸ THUẬT CHO NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN BÓNG BÀN TRẺ 16-18 TUỔI CÁC TỈNH PHÍA NAM QUA 2 NĂM TẬP LUYỆN

TS. Phạm Trung Hiệp¹, ThS. Trịnh Thị Thảo¹,

TS. Lê Hồng Sơn², TS. Đào Trung Tú³

¹Trường đại học TDTT TP.HCM

²Trung tâm huấn luyện vận động viên trẻ Quốc gia

³Trường đại học cảnh sát nhân dân

Email: Bb21tdtt@gmail.com

Tóm tắt: Qua 5 bước đảm bảo tính logic, tính khách quan, độ tin cậy và có tính thông báo cao, nghiên cứu đã xác định được 08 test dùng để đánh giá trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi. Đồng thời ứng dụng đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật sau một và hai năm tập luyện cho thấy cả 08/08 test kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam đều có sự tăng trưởng rõ rệt qua từng năm và có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p \leq 0.001$, vì đều có t tính $> t_{0.001} = 4.073$.

Từ khóa: Trình độ kỹ thuật; nữ vận động viên; bóng bàn;

Abstract: Through 5 steps to ensure logic, objectivity, reliability and high informality, the study has identified 08 tests used to evaluate the technical level of female table tennis players aged 16 - 18 years old. At the same time, when evaluating the development of technical level after one and two years of training, it was shown that both 08/08 technical tests of female table tennis players aged 16-18 in the Southern provinces had a significant growth of statistical significance at the probability threshold $p \leq 0.001$, because they all had t calculated $> t_{0.001} = 4.073$.

Keywords: Technical level; female athletes; table tennis

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bóng bàn là môn tốc độ và kỹ xảo cao, Cơ sở của một trận đấu là nhịp độ nhanh, phản ứng kịp thời, khả năng phối hợp vận động với sự tập trung chú ý cao và sự ổn định về tâm lý. Hiện nay, xu thế Bóng bàn hiện đại là thi đấu với tốc độ nhanh, điểm rơi biến hoá đòi hỏi VĐV phải phán đoán di chuyển nhanh phản ứng với bóng, lăng tay nhanh, đánh bóng có tốc độ, phải có sức mạnh, độ xoáy cao. Nói tóm lại, các yếu tố cơ bản của VĐV Bóng bàn gồm: hình thái, kỹ thuật, chiến thuật, tâm lý, thể lực. Trong đó kỹ thuật chiếm vai trò cực kỳ quan trọng, phải có kỹ thuật tốt VĐV mới có thể đảm bảo thực hiện có hiệu quả cao các kỹ - chiến thuật của ban huấn luyện đề ra và đạt thành tích cao trong thi đấu. Vì vậy, việc xác định chỉ tiêu để đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật của các VĐV bóng bàn trong quá trình huấn luyện là rất cần thiết. Bài viết tiến hành nghiên cứu “Đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam qua 2 năm tập luyện” với khách thể nghiên cứu là 16 nữ VĐV bóng bàn 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam để kiểm tra đánh giá trình độ kỹ thuật qua 2 năm tập luyện.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi

Qua 5 bước gồm hệ thống hóa các test đã được sử dụng; sơ lược lựa chọn theo kinh nghiệm; phỏng vấn chuyên gia, huấn luyện viên và giảng viên; kiểm nghiệm độ tin cậy và tính khách quan; và đặc biệt là kiểm nghiệm tính thông báo của test thông qua tính tương quan thứ bậc giữa kết quả kiểm tra test với thành tích thi đấu (được xác định bằng cách tổ chức thi đấu vòng tròn 1 lượt để xếp hạng). Kết quả tính toán được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Hệ số tương quan thứ bậc giữa các chỉ tiêu (test) đánh giá trình độ kỹ thuật với thành tích thi đấu của nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi.

TT	Test	r
1	Vặt 2 bên vào ô trái 1' vào ô 40x40cm (quả)	0.8542
2	Giặt bóng thuận tay từ 3 đ về 1 đ vào ô phải 50 x 50 trong 1' (lần)	0.7991
3	Giặt trái tay vào ô trái 1' vào ô 50x50cm (quả)	0.7906
4	Giặt thuận tay + đẩy trái với đường bóng không cố định (quả)	0.6484
5	Gò 2 bên vào ô trái 1' vào ô 40x40cm (quả)	0.8523
6	Giao bóng kiểu mở vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	0.617
7	Giao bóng kiểu lắc vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	0.7562
8	Giao bóng kiểu trái tay vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	0.6308

Qua bảng 1 ta thấy, cả 8/8 test đều có hệ số tương quan $r =$ từ 0.62 đến 0.85 $>$ 0.4, nên đều đảm bảo có tương quan với thành tích thi đấu và có tính thông báo cao được dùng để đánh giá trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16–18 tuổi.

2. Đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam qua 2 năm tập luyện

2.1. Thực trạng ban đầu về kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn trẻ 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam

Để đánh giá thực trạng trình độ kỹ thuật của nữ VĐV BB trẻ 16 – 18 tuổi các tỉnh phía nam, nghiên cứu đã ứng dụng các test được chọn ở trên để kiểm tra và tính toán các giá trị cơ bản thu được kết quả trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả kiểm tra ban đầu về kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi các tỉnh phía nam (n=16)

TT	Tên test	\bar{X}_1	δ_1	Cv%	Min	Max
1	Vặt 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 40x40cm (quả)	49.50	3.98	8.05	43	55
2	Giặt bóng thuận tay từ 3đ về 1đ vào ô phải 50x50cm trong 1phút (quả)	41.56	3.85	9.25	37	49
3	Giặt trái tay vào ô trái 1phút vào ô 50x50cm (quả)	39.94	3.94	9.87	34	47
4	Giặt thuận tay + đẩy trái với đánh bóng không cố định (quả)	55.63	2.87	5.16	52	61
5	Gò 2 bên vào ô trái 1phút vào ô 40x40cm (quả)	31.19	2.59	8.30	28	36

6	Giao bóng kiểu mở vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	4.94	0.44	8.96	4	6
7	Giao bóng kiểu lắc vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	5.38	0.50	9.30	5	6
8	Giao bóng kiểu trái tay vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	5.81	0.54	9.36	5	7

Kết quả bảng 2 cho thấy tất cả 8/8 test kỹ thuật đều có hệ số biến thiên $C_v =$ từ 5.16% đến 9.87% < 10%, chứng tỏ thành tích trung bình của nữ VĐV bóng bàn trẻ có độ đồng nhất cao.

2.2. Đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi các tỉnh phía Nam qua một và hai năm tập luyện

Nhằm đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi các tỉnh phía Nam qua một và hai năm tập luyện, tiến hành kiểm tra lần 2 (sau một năm) và lần 3 (sau hai năm), theo kết quả kiểm tra và tính toán các giá trị cơ bản gồm giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, hệ số biến thiên... Dùng công thức tính nhịp tăng trưởng của Sbrondy để đánh giá sự phát triển kỹ thuật qua từng năm. Kết quả trình bày qua bảng 3. Kết quả bảng 3 cho thấy:

- Vụt 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 45x45cm (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình về vụt 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 45x45cm của các VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 49.50 ± 3.98 đến 57.25 ± 5.04 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 60.88 ± 4.92 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 14.52\%$, $W_2 = 20.61\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 13.34$ và $t_2 = 21.10$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giật bóng thuận tay từ 2 điểm về 1 điểm vào ô phải 50 x 50 trong 1 phút (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 41.56 ± 3.85 đến 48.88 ± 4.18 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 52.00 ± 4.93 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 16.17\%$, $W_2 = 22.31\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 9.562$ và $t_2 = 15.710$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giật trái tay vào ô trái 1 phút vào ô 50x50cm (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 39.94 ± 3.94 đến 48.81 ± 4.97 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 52.06 ± 5.63 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 20\%$, $W_2 = 26.36\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 12.564$ và $t_2 = 14.503$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giật thuận tay + đẩy trái với đánh bóng không cố định (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 55.63 ± 2.87 đến 59.75 ± 2.82 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 64.94 ± 2.89 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 7.15\%$, $W_2 = 15.45\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 9.661$ và $t_2 = 10.513$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Gò 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 45x45cm (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 31.19 ± 2.59 đến 37.63 ± 2.90 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 40.50 ± 2.85 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 18.71\%$, $W_2 = 25.98\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 17.119$ và $t_2 = 20.116$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giao bóng kiểu mở vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 4.94 ± 0.44 đến 5.88 ± 0.81 , sau

hai năm tiếp tục tăng lên 6.63 ± 0.81 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 17.34\%$, $W_2 = 29.19\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 4.854$ và $t_2 = 9.586$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giao bóng kiểu lắc vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 5.38 ± 0.50 đến 6.13 ± 1.09 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 7.75 ± 1.13 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 13.04\%$, $W_2 = 36.19\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 4.392$ và $t_2 = 13.217$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

- Giao bóng kiểu trái tay vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả): Sau một năm tập luyện giá trị trung bình của các nữ VĐV thay đổi theo chiều hướng tốt từ 5.81 ± 0.54 đến 7.13 ± 1.20 , sau hai năm tiếp tục tăng lên 8.63 ± 1.09 . Cùng với nhịp tăng trưởng thay đổi có $W_1 = 20.29\%$, $W_2 = 38.96\%$. Sự tăng trưởng sau một năm và hai năm có sự khác biệt rõ rệt với $p < 0.001$, vì có $t_1 = 5.547$ và $t_2 = 13.487$ đều $> t_{0.001} = 4.073$.

Bảng 3. Sự phát triển trình độ thể lực nữ VĐV BB trẻ 16-18 tuổi các tỉnh phía Nam qua 1 và 2 năm tập luyện. (n=16)

TT	Test	\bar{x}_1	\bar{x}_2	\bar{x}_3	W_1	t_1	P	W_2	t_2	P
1	Vụt 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 45x45cm (quả)	49.5	57.25	60.88	14.52	13.340	0.001	6.14	7.660	0.001
2	Giật bóng thuận tay từ 3 đ về 1 đ vào ô phải 50 x 50 trong 1 phút (quả)	41.56	48.88	52	16.17	9.526	0.001	6.2	4.283	0.001
3	Giật trái tay vào ô trái 1 phút vào ô 50x50cm (quả)	39.94	48.81	52.06	20.00	12.564	0.001	6.44	13.000	0.001
4	Giật thuận tay + đẩy trái với đánh bóng không cố định (quả)	55.63	59.75	64.94	7.15	9.661	0.001	8.32	10.513	0.001
5	Gò 2 bên vào ô trái 1 phút vào ô 45x45cm (quả)	31.19	37.63	40.5	18.71	17.119	0.001	7.36	7.449	0.001
6	Giao bóng kiểu mở vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	4.94	5.88	6.63	17.34	4.858	0.001	12.00	5.196	0.001
7	Giao bóng kiểu lắc vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	5.38	6.13	7.75	13.04	4.392	0.001	23.42	10.498	0.001
8	Giao bóng kiểu trái tay vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả)	5.81	7.13	8.63	20.29	5.547	0.001	19.05	9.487	0.001

Ghi chú:

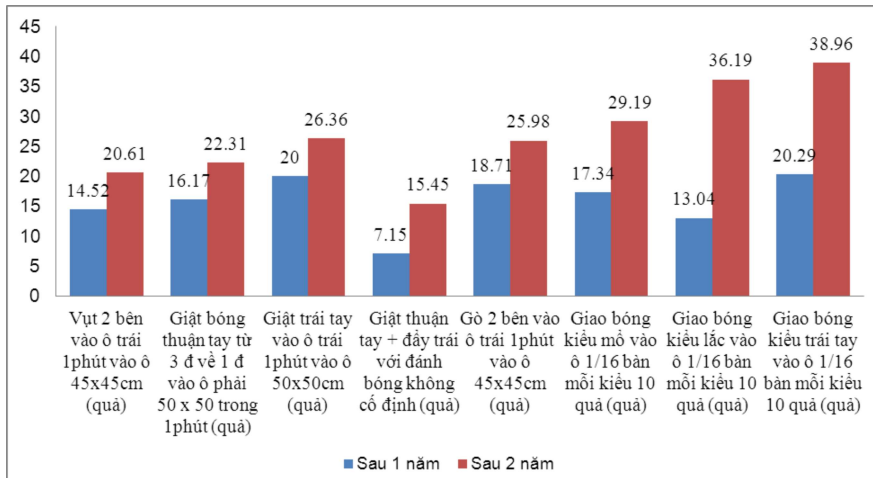
\bar{x}_1 : Thành tích kiểm tra trung bình ban đầu W_1 : Nhịp tăng trưởng sau 1 năm

T_1 : Giá trị t tính thời điểm sau 1 năm

\bar{x}_2 : Thành tích kiểm tra trung bình sau 1 năm W_2 : Nhịp tăng trưởng sau 2 năm

T_2 : Giá trị t tính thời điểm sau 2 năm

\bar{x}_3 : Thành tích kiểm tra trung bình sau 2 năm $n = 16$ suy ra $t_{0.05} = 2.131$, $t_{0.001} = 4.073$



Nhịp tăng trưởng trung bình các test kỹ thuật sau một, hai năm được thể hiện qua biểu đồ 1.

Biểu đồ 1. Nhịp tăng trưởng các test kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi các tỉnh khu vực phía Nam qua 2 năm tập luyện

KẾT LUẬN

1. Qua 5 bước gồm hệ thống hóa các test đã được sử dụng; sơ lược lựa chọn theo kinh nghiệm; phỏng vấn chuyên gia, huấn luyện viên và giảng viên; kiểm nghiệm độ tin cậy và tính khách quan; và đặc biệt là kiểm nghiệm tính thông báo của test, nghiên cứu đã xác định được 08 test có đủ độ tin cậy và tính thông báo cao dùng trong đánh giá trình độ kỹ thuật cho nữ VĐV bóng bàn trẻ 16 – 18 tuổi .

2. Đánh giá sự phát triển trình độ kỹ thuật sau một và hai năm tập luyện cho thấy cả 08 test kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn trẻ có sự tăng lên đáng kể và thông qua kiểm định t test tự đối chiếu cho thấy sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $p \leq 0.001$, vì có t tính $> t_{0.001}$. Xét về sự tăng trưởng trong đó tăng cao nhất là giao bóng kiểu trái tay vào ô 1/16 bàn mỗi kiểu 10 quả (quả) và thấp nhất là gò 2 bên vào ô vào ô 45x45cm với đường bóng không cố định (quả).

Kết quả trên đã khẳng định trình độ kỹ thuật của nữ VĐV bóng bàn 16-18 tuổi ngày càng phát triển và hoàn thiện, phù hợp quy luật phát triển trong huấn luyện thể thao cho nữ VĐV bóng bàn trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tuấn Cường (1999), *Đánh giá TĐTL của VĐV bóng bàn trẻ trường ĐH TĐTT1 sau 1 năm tập luyện*, Tuyển tập nghiên cứu khoa học trường ĐH TĐTT1, Nxb TĐTT.
- [2]. Nguyễn Kim Minh (1994), *Tài liệu đo lường và hình thái thể thao*.
- [3]. Nguyễn Tiên Tiên (2001), *Nghiên cứu đánh giá TĐTL của VĐV bóng bàn nam 12 – 15 tuổi*. Luận án Tiến sĩ giáo dục học, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Kim Minh, Trần Quốc Tuấn (2002), *Tiêu chuẩn đánh giá TĐTL trong tuyển chọn và HLTT*. Nxb TĐTT, Hà Nội.
- [5]. Ủy ban Thể dục thể thao-Viện Khoa học TĐTT (2002), *Tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện trong tuyển chọn và huấn luyện thể thao*, Nxb TĐTT.
- [6]. Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải (2008), *Giáo trình phương pháp thống kê trong Thể dục thể thao*, Nxb TĐTT.

Bài nộp ngày 25/3/2025, phản biện ngày 28/5/2025, duyệt in ngày 25/6/2025